

Vịnh Ngô, Dương Lâm (2022). Nâng cao năng suất lao động của Việt Nam: Nhận diện vấn đề mang tính quyết định để thịnh vượng nước nhà. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2022), 15-24.

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2022

Bài báo khoa học

Nâng cao năng suất lao động của Việt Nam: nhận diện vấn đề mang tính quyết định để thịnh vượng nước nhà

Ngô Doãn Vịnh (PGS. TS.)

Lâm Thùy Dương (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: duonglt@apd.edu.vn

TÓM TẮT. Hiện nay năng suất lao động của Việt Nam đang ở mức tương đối thấp so với nhiều nước ngay trong khu vực, ảnh hưởng tới sức cạnh tranh quốc gia và đang đặt ra nhiều vấn đề nan giải cho thịnh vượng nền kinh tế và nâng cao mức sống người dân. Từ Chính phủ đến các nhà khoa học, các nhà quản lý đã quan tâm và dành nhiều công sức cho việc tìm kiếm cách thức nâng cao năng suất lao động của nước nhà nhưng kết quả đạt được còn khá khiêm tốn. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về tăng năng suất lao động chưa được làm sáng tỏ và việc nâng cao năng suất lao động vẫn lúng túng và gặp khó khăn. Trước tình hình như vậy, người viết bài báo muốn trình bày rõ hơn một số vấn đề then chốt về nâng cao năng suất lao động của nước ta để góp phần làm rõ thêm những vấn đề có tính gốc rễ để nâng cao năng suất lao động của nước ta.

Ngày nhận bài:
15 tháng 12, 2021
Bản sửa lần 1:
26 tháng 12, 2021
Ngày duyệt bài:
30 tháng 12, 2021

Mã số: ĐS020122

Từ khóa: *Năng suất lao động, thu nhập cao, hiện đại hóa, liên kết, chuỗi giá trị.*

ABSTRACT. Vietnam's labor productivity is relatively low compared to many other countries in the region, affecting national competitiveness and providing numerous challenges to economic prosperity and living standard enhancement. From the government to scientists and managers, there has been a lot of focus and effort put into figuring out how to increase the labor productivity of Vietnam, but the results have been relatively modest. Many theoretical and practical concerns around boosting labor productivity have yet to be resolved, and finding answers to these issues remains tough. Thus, the paper would like to highlight some critical issues on improving labor

productivity in Vietnam in greater detail to clarify the core problems that need to be addressed to enhance labor productivity in Vietnam.

Key words: *Labor productivity, high income, modernization, integration, value chains.*

Mở đầu

Cả lý thuyết và thực tiễn cho biết rằng, năng suất lao động là vấn đề quyết định thịnh vượng của một quốc gia. Ngay từ năm 2013, Chính phủ Việt Nam [5] đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg về phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020. Vào tháng 8 năm 2019, Chính phủ tổ chức Hội nghị cải thiện năng suất lao động quốc gia [8]. Các nhà khoa học, các nhà quản lý nói nhiều đến nguyên nhân là chất lượng lao động của Việt Nam chưa cao, cơ cấu kinh tế thay đổi đã theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp và tăng tỷ trọng khối phi nông nghiệp nhưng chưa thỏa đáng; quản lý nhà nước còn bộc lộ nhiều bất cập, doanh nghiệp chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, sử dụng công nghệ chủ yếu thuộc loại trung bình và yếu... Khi chưa nhận diện đúng mức đạt được của năng suất lao động, chưa nhận diện tường minh về những vấn đề lý luận liên quan, chưa tổng kết kinh nghiệm của các quốc gia thành công và của các quốc gia chưa thành công trong việc nâng cao năng suất lao động thì chưa thể có phương cách phù hợp để tăng năng suất lao động của nước nhà. Bài viết lý giải một số vấn đề quan trọng, góp thêm thông tin cho những ai quan tâm đến vấn đề nâng cao năng suất lao động của Việt Nam.

1. Một số vấn đề lý thuyết

Năng suất lao động cao thì nền kinh tế mới có sức cạnh tranh, mới nuôi sống được nhiều người, mới gia tăng sức mua của dân cư, mới có điều kiện giải quyết các nhiệm vụ phát triển quốc gia... Làm thế nào để Việt Nam có năng suất lao động cao là vấn đề đang cần được trả lời một cách có căn cứ khoa học. Vì thế bài viết tập trung làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn mà nhóm tác giả cho là quan trọng. Cụ thể là:

1.1. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới năng suất lao động

Đây là vấn đề cần làm sáng tỏ trước hết. Đã đến lúc không thể hiểu một cách thông thường mà lâu nay nhiều người nhắc tới nhưng chưa phải đã điểm trúng huyệt của vấn đề. Nhóm tác giả thấy rằng, phải chỉ ra các yếu tố chủ yếu dưới đây:

- *Thứ nhất, việc làm có thu nhập cao.* Đây là vấn đề có tính quyết định đầu tiên đối với nâng cao năng suất lao động của quốc gia. Nếu chỉ có việc làm có thu nhập thấp thì không thể có năng suất lao động cao. Chính phủ, chính quyền địa phương là người chịu trách nhiệm chính trong việc tìm kiếm, hướng dẫn cho người dân phát triển những việc làm có thu nhập cao. Khi trên cương vị Tổng thống nước Mỹ, ông B. Obama đã nói đại thể rằng, Chính phủ Mỹ có trách nhiệm “dắt vàng trên các đường phố Mỹ” với thâm ý là làm thế nào để người dân Mỹ bước ra đường sẽ tìm thấy việc làm có năng suất lao động cao. Chính phủ Mỹ chỉ dành những việc làm có thu nhập cao, đặc hữu nhiều lợi nhuận cho người dân nước Mỹ (như chế tạo vệ tinh, máy bay, công nghệ điều khiển, phát triển trí

tuệ nhân tạo, phát triển các nền tảng công nghệ xuyên quốc gia như Google, Facebook, Yahoo, Youtube, chế tạo xe hơi...) mang lại nhiều lợi nhuận và nhập khẩu hoặc đặt hàng nước ngoài sản xuất hàng tiêu dùng thông thường phục vụ nhu cầu của người dân Mỹ hoặc cung cấp các linh phụ kiện mà doanh nghiệp Mỹ không làm. Gần đây Trung Quốc đã chuyển chủ trương “sản xuất tại Trung Quốc - Made in” thành “sản xuất bởi người Trung Quốc - Made by”; họ tăng cường phát triển điện thoại di động thông minh, chế tạo máy tính tốc độ nhanh, sản xuất bán dẫn, vệ tinh, tham gia chế tạo máy bay Airbus, đi đầu trong lĩnh vực chế tạo công nghệ 5G; chế tạo tàu ngầm, tàu sân bay, phát triển các nền tảng công nghệ xuyên quốc gia như tiktok, Alibaba.... Thực tiễn cho thấy, nếu chỉ phát triển những việc làm có thu nhập thấp thì không thể có năng suất lao động cao. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc phải rõ.

- Thứ hai, doanh nghiệp mạnh, nắm giữ lĩnh vực tiên phong, quản trị tốt và sử dụng công nghệ hiện đại có ý nghĩa lớn đối với tạo ra năng suất lao động cao. Doanh nghiệp là chủ thể tạo ra GDP, việc làm, đóng góp thu ngân sách nhà nước, chủ thể cạnh tranh thương mại toàn cầu... Tức là doanh nghiệp trực tiếp quyết định thịnh vượng quốc gia. Năm 1995 khi tham gia đoàn cán bộ của Ủy ban kế hoạch nhà nước (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) làm việc với Thủ tướng Singapore tác giả đã nghe ngài Lý Quang Diệu nói một câu khá lý thú, đại thể là: khi con đại bàng cất tiếng gáy nó sẽ át cả rừng chim sẻ. Ông Lý Quang Diệu muốn ám chỉ khi có Tập đoàn kinh tế lớn, tầm cỡ quốc tế

nó sẽ át các doanh nghiệp nhỏ, tạo ra vị thế có lợi trong quá trình tham gia thị trường quốc tế. Chỉ có doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tài chính, công nghệ và thị trường lớn mới có thể giữ vai trò đứng đầu, nòng cốt trong chuỗi giá trị toàn cầu. Năm 2019, ở Thái Lan cứ khoảng 30 người có 1 doanh nghiệp. Trong khi Việt Nam cứ 128 người mới có 1 doanh nghiệp mà phần lớn lại là doanh nghiệp vừa và nhỏ [5]. Thế thì lấy ai đảm trách nhiệm vụ nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên cũng phải hiểu một lẽ rằng, nếu các doanh nghiệp của Việt Nam tuy phần lớn thuộc loại vừa và nhỏ nhưng sử dụng công nghệ hiện đại, áp dụng mô hình quản trị tiên tiến, có năng suất lao động cao thì cũng tốt, nhưng thực tế ở nước ta không phải vậy.

- Thứ ba, hiện đại hóa hay sử dụng công nghệ hiện đại mới là phương cách đúng đắn để nâng cao năng suất lao động quốc gia. Thực tế cho thấy, có nhiều quốc gia không có công nghiệp phát triển tới mức như của Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc... nhưng họ vẫn đứng vào nhóm các nước phát triển, có GDP/người đạt mức cao (từ 40 đến 80 nghìn USD) như Thụy Sĩ, Canada, Úc, New Zealand, Singapore... Ngay từ 1978 khi thực hiện công cuộc cải cách, mở cửa Trung Quốc đã thực hiện kiên quyết, mạnh mẽ chủ trương bốn hiện đại hóa (hiện đại hóa công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, hiện đại hóa khoa học công nghệ và hiện đại hóa quốc phòng). Nhờ thế mà Trung Quốc đã có sự bứt phá thần kỳ, chỉ sau 40 năm phát triển, GDP/người đã đạt mức khoảng 10 nghìn USD và trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới (chỉ sau Mỹ), có mức dự trữ ngoại tệ lớn bậc nhất thế giới (khoảng hơn

3.600 tỷ USD, thậm chí có ý kiến cho rằng phải tới khoảng 3900 - 4000 tỷ USD) [10].

- *Thứ tư, hoạt động kinh tế của một quốc gia phải được tổ chức một cách khoa học và với các hình thức tiên tiến* (mà bản chất của nó là phát triển các tổ hợp đa ngành và các chuỗi giá trị sản phẩm trên cơ sở liên kết giữa các doanh nghiệp và có sự phát triển đồng bộ trong thể cân đối). Nhà nước là chủ thể đứng ra hướng dẫn, trực tiếp tổ chức, điều hành và hỗ trợ sự phát triển đối với lực lượng doanh nghiệp mới hy vọng có năng suất lao động cao. Cộng đồng doanh nghiệp (gồm cả doanh nghiệp, hợp tác xã phi nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, trang trại, gia trại, hộ gia đình...) phải được tổ chức, hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp phải trên cơ sở liên kết dọc (theo ngành) và liên kết ngang (theo lãnh thổ). Doanh nghiệp là chủ thể của liên kết. Không thể nhầm lẫn liên kết giữa chính quyền các địa phương. Chính quyền chỉ hỗ trợ doanh nghiệp liên kết thành công.

- *Thứ năm, quản lý nhà nước có lợi cho phát triển kinh tế mang ý nghĩa quyết định nâng cao năng suất lao động, việc quản lý phải vừa “nắm chặt” nhưng cũng phải vừa để “phát triển”* [3]. Daron Acemoglu và Jame Robinson [2] đã cho biết, thể chế kinh tế quyết định sự thành bại của các nền kinh tế. Nhà nước là người “sinh ra” và tổ chức thực hiện thể chế kinh tế nên suy cho cùng nhà nước là người quyết định sự thành công hay thất bại đối với sự phát triển của nền kinh tế. Thực tiễn cũng đã chứng minh điều này. Sự khác biệt về thành quả phát triển kinh tế, về năng suất lao động ở Việt Nam trước và sau đổi mới (1988), ở Trung Quốc trước

và sau cải cách mở cửa (1978) cũng như sự khác biệt giữa Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc chính là do sự khác biệt về thể chế kinh tế. Tác giả Ngô Thúy Quỳnh [4] đã từng đề nghị rằng, muốn phát triển ngoạn mục nền kinh tế thì ba chủ thể (Nhà nước, Doanh nghiệp và Người dân) phải cùng nhau thực hiện ba chữ đồng: Đồng hướng (tức là đồng mục tiêu), Đồng hành (tức là cùng hành động có ý thức) và đồng hưởng (tức là cùng hưởng lợi một cách công bằng kết quả do công cuộc phát triển đem lại). Nhà nước có vai trò dẫn dắt việc này thì mới hy vọng quốc gia có năng suất lao động cao.

1.2. Đánh giá năng suất lao động trong mối quan hệ với thịnh vượng kinh tế

Đối với Việt Nam việc phân tích năng suất lao động và đóng góp của năng suất lao động cho phát triển kinh tế chưa thấy có công trình nào nghiên cứu thỏa đáng. Vai trò của năng suất lao động đối với phát triển kinh tế của quốc gia đã quá rõ nhưng phải tiến hành đánh giá mới thấy hết vấn đề. Nếu năng suất lao động cao thì sẽ có tăng trưởng kinh tế tốt và GDP/người sẽ cao, các vấn đề xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng sẽ được giải quyết tốt. Ngược lại, khi năng suất lao động thấp thì sức cạnh tranh kém, sức chống chịu các tác động kinh tế từ bên ngoài yếu. Vì thế, rất cần phân tích mức độ đóng góp của năng suất lao động cho tăng trưởng kinh tế [7] để tìm ra giải pháp tăng năng suất lao động. Điều này được phân tích bằng biểu thức sau:

$$\mathbf{D_L} = [1 - (\mathbf{T_L} : \mathbf{T_{GDP}})] \cdot 100 \text{ (\%)}$$

Trong đó:

$\mathbf{D_L}$: Tỷ lệ đóng góp của năng suất lao động vào tăng trưởng kinh tế. $\mathbf{D_L}$ càng lớn

chứng tỏ năng suất lao động đóng góp càng nhiều cho tăng trưởng kinh tế và ngược lại nếu Δ_L càng nhỏ cho biết năng suất lao động đóng góp càng nhỏ cho tăng trưởng kinh tế.

T_L : Tốc độ tăng số lao động làm việc trong nền kinh tế của kỳ nghiên cứu.

T_{GDP} : Tốc độ tăng trưởng GDP của kỳ nghiên cứu.

Theo tác giả thì khi Δ_L vượt mức 85% là lúc nền kinh tế đã biểu hiện trạng thái bước vào ngưỡng phát triển. Đây là điểm quan trọng.

Trong thực tiễn người ta còn sử dụng mô hình phân tích các yếu tố là tác nhân của tăng năng suất lao động: đóng góp của vốn, thể chế, chính sách, nhân lực, doanh nghiệp... vào tăng năng suất lao động. Theo cách này thường gặp khó khăn vì thiếu số liệu.

2. Thực trạng năng suất lao động của Việt Nam và những vấn đề đặt ra

2.1. Khái quát tình hình năng suất lao động của Việt Nam

Khi nhóm tác giả viết bài báo này đã là năm 2021 nhưng do đại dịch COVID-19 đã làm cho công cuộc phát triển lâm vào tình trạng suy thoái, do đó nhóm tác giả không đưa số liệu của năm 2020, 2021 vào để phân tích mà chỉ phân tích chuỗi thời gian từ 2010 đến năm 2019. Năng suất lao động và phát triển kinh tế là vấn đề lớn, phức tạp nên với khuôn khổ một bài báo nhóm tác giả chỉ xin trình bày một số vấn đề quan trọng. Theo Tổng cục thống kê [5], từ 2015 đến nay nền kinh tế Việt Nam từng bước phát triển có hiệu quả hơn và bền vững hơn. Tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động, GDP/người

có mức tăng tương đối nhanh và ổn định, nợ công giảm từ mức hơn 69% xuống còn 56% GDP, tỷ lệ người nghèo giảm từ khoảng 14,2% năm 2010 xuống còn khoảng 6,8% năm 2018; tỷ giá đồng Việt Nam khá ổn định, lạm phát giảm và có lợi cho tăng trưởng kinh tế. Năm 2018, năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở mức thấp. Nếu tính theo giá sức mua tương đương, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 7,3% năng suất lao động của Singapore; 19% của Malaysia; 37% của Thái Lan; 44,8% của Indonesia và bằng 55,9% của Philippines. Theo công thức tính toán đã trình bày thì trong thời kỳ 2011-2018 năng suất lao động đóng góp khoảng 79,4% vào tăng trưởng kinh tế (tức là đóng góp được 4,9 điểm phần trăm (79,4% của 6,2%). Nếu thế thì nền kinh tế Việt Nam còn xa mới bước vào ngưỡng phát triển. Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam đang ở mức trung bình, chưa thật đảm bảo cho tăng năng suất lao động quốc gia như mong muốn [8]. Nhìn từ phía doanh nghiệp có nhiều điểm cần suy ngẫm về vấn đề tăng năng suất lao động. Năm 2018 theo Tổng cục Thống kê [5] ngoài số doanh nghiệp đã nói, ở Việt Nam còn có 13.171 hợp tác xã phi nông nghiệp, 5.151.948 cơ sở kinh tế cá thể phi nông nghiệp, 31.668 trang trại nông nghiệp... Vì đa phần đều có quy mô nhỏ nên dễ bị tổn thương khi có biến động từ bên ngoài. Với tình hình đó liệu nền kinh tế Việt Nam có thể duy trì sự phát triển hiệu quả, bền vững trong những năm tới hay không? Ở Việt Nam doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra khoảng 19,4% GDP, khoảng 71,4% giá trị xuất khẩu, đóng góp khoảng 13,1% ngân sách nhà nước và

đóng góp khoảng 23,3% vốn đầu tư xã hội đã thực hiện. Từ những con số trên cho thấy khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam. Tuy thế, sự thất thoát của Việt Nam do các doanh nghiệp FDI gây ra bởi chuyển giá, trốn thuế là bao nhiêu thì chưa được thống kê. Điều

này càng chứng tỏ nhà nước có vai trò quan trọng như thế nào đối với phát triển kinh tế bền vững của nước ta. Tuy năm nay đã là 2021 nhưng các năm 2020, 2021 chịu ảnh hưởng quá nặng nề của đại dịch COVID -19 nên tác giả không đưa số liệu của hai năm này vào cuối số liệu để phân tích.

Biểu 1: Một số chỉ tiêu chủ yếu của Việt Nam

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2019	Tăng b/q năm, %
Dân số	1000ng	86947,4	91709,8	96484	1,05
Lao động làm việc	1000ng	49048,5	52840	54659,2	1,28
GDP, giá 2010	Tỷ đ	2157828	2875856	3738546	6,2
Trong đó: Nông nghiệp	Tỷ đ	396576	462536	510632	2,95
% so tổng số	%	18,4	16,1	13,6	-
Công nghiệp- Xây dựng	Tỷ đ	693351	982411	1353049	6,7
% so tổng số	%	32,1	34,2	36,2	-
Dịch vụ	Tỷ đ	797155	1101236	1453667	6,85
% so tổng số	%	36,9	38,3	38,9	-
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đ	270746	329673	421188	4,85
% so tổng số	%	12,6	11,4	11,3	-
GDP, giá hiện hành	Tỷ đ	2157828	4192662	6037348	-
GDP/người (giá 2010)	Tr. Đ	24,8	31,4	38,7	5,1
GDP/người (giá hiện hành)	Tr.đ	24,8	45,7	62,5	-
Năng suất lao động, giá 2010	Tr.đ	44,0	54,4	68,4	4,9
Thu nhập bình quân 1 lao động của khu vực doanh nghiệp	1000 đ, giá thực tế	5882*		8272**	-

Nguồn: [5]; Ghi chú: *Số trung bình giai đoạn 2011-2015 và ** số liệu năm 2019

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với việc tăng năng suất lao động ở Việt Nam trong bối cảnh mới

a) Trong bối cảnh mới cần có nhận thức mới và hành động mới. Trong bối cảnh của cuộc công nghiệp 4.0, Internet kết nối vạn vật, xu hướng thịnh hành của trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số cần có cách tiếp cận mới để tăng năng suất lao động quốc gia. Thương mại điện tử, kinh tế số chiếm lĩnh mặt trận phát triển kinh tế trong bối cảnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế. Đầu những năm 2000 Nhật Bản cho rằng, tốc độ tạo ra lợi thế. Do đó chỉ có cách tăng tốc trên nền tảng công nghệ hiện đại và nền kinh tế được tổ chức với các hình thức tiên tiến mới tạo ra năng suất lao động cao. Năm 2019, năng suất lao động cũng như GDP/người của Việt Nam thấp tương đối xa so các quốc gia ngay trong khu vực: chỉ bằng khoảng 4% của Singapore, khoảng 34% của Thái Lan, 28-30% của Malaysia.

b) Nền kinh tế đang có nhiều hạn chế và dễ bị tổn thương. Nhìn tổng thể nền kinh tế đang thiếu nhiều tiền đề để tăng tốc trên cơ sở tăng năng suất lao động. Đối với nền kinh tế Việt Nam hiệu quả phát triển chưa cao và thậm chí có người nói là còn thấp; phần lớn

doanh nghiệp của người Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ, sử dụng công nghệ chưa cao, nhìn chung chưa có doanh nghiệp đứng trong nhóm 500 Công ty lớn của thế giới; có ít doanh nghiệp tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu và các mạng cung ứng cũng như mạng phân phối toàn cầu. Nền kinh tế có độ mở lớn nên cũng dễ bị ảnh hưởng lớn từ bên ngoài. Do quy mô nền kinh tế nhỏ (mới khoảng 240 tỷ USD giá hiện hành), GDP/người thấp nên khả năng tích lũy đầu tư từ nội bộ nền kinh tế cũng thấp nhưng để phát triển kinh tế nhanh hơn thì vẫn cần nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tiềm lực công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia còn rất hạn chế, kinh nghiệm hoạch định chính sách phát triển và quản lý và điều hành tiên tiến cũng còn nhiều bất cập.

c) Phải xác định đúng nguyên nhân của tình trạng năng suất lao động thấp. Có rất nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan nhưng trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Tác giả xin nêu một số nguyên nhân cơ bản:

- Nền kinh tế Việt Nam chưa có nhiều việc làm có thu nhập cao, đa phần việc làm có thu nhập thấp. Thu nhập của người lao động trong khối doanh nghiệp chỉ đạt mức thấp; lợi nhuận của doanh nghiệp cũng thấp.

Biểu 2: Một số chỉ tiêu về lợi nhuận của doanh nghiệp giai đoạn 2011-2017

Chỉ tiêu	Giai đoạn	Chung	DNN	DNNN	DNFDI
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với tài sản (bằng hoặc lớn hơn 7,5% mới tốt); %	2011-2015	2,4	2,8	1,1	5,4
	2016	2,7	2,6	1,4	6,9
	2017	2,9	2,2	1,8	7,0
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu (bằng hoặc lớn hơn 15% mới tốt); %	2011-2015	8,2	12,1	3,4	15,1
	2016	9,0	11,0	4,4	17,5
	2017	10,0	11,4	6,0	18,1

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với doanh thu (bằng hoặc lớn hơn 10% mới tốt); %	2011-2015	3,7	6,0	1,5	6,1
	2016	4,1	6,9	1,9	6,8
	2017	4,2	6,4	2,5	6,6

Nguồn: [1]

- Cơ cấu kinh tế chưa tạo ra tiền đề tăng trưởng kinh tế có hiệu quả. Trong thời kỳ 2011-2018, việc đầu tư bậc lộ nhiều bất cập mà tiêu biểu là đầu tư phát triển lĩnh vực sử dụng công nghệ cao và đầu tư cho đổi mới sáng tạo còn thấp. Một mặt, ở Việt Nam tỷ trọng lao động nông nghiệp còn chiếm tới khoảng 36-37% tổng lao động xã hội, lao động hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ chỉ chiếm khoảng 0,5%; mặt khác doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tới 93% (mà cũng chỉ có khoảng 8-10% doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại) thì năng suất lao động không thấp sao được.

- Chúng tôi đồng tình với quan điểm của tác giả Ngô Thúy Quỳnh rằng, quản lý nhà nước còn bậc lộ nhiều bất cập, trong đó nổi bật là chính sách chưa thật sự có lợi cho phát triển, quản lý và điều hành có lúc, có nơi chưa phát huy hiệu quả vai trò đối với công cuộc phát triển của nền kinh tế [3]. Cộng đồng doanh nghiệp vừa chưa mạnh vừa thiếu liên kết và dường như chưa hợp lực trong sản xuất cũng như trong cạnh tranh quốc tế. Đối với người dân thì có bộ phận không nhỏ thiếu tinh thần tự tôn trong quá trình phát triển kinh tế cũng như trong việc ganh đua với bên ngoài. Ở Việt Nam đã có khoảng 50-55% người dân sử dụng điện thoại thông minh nhưng phần đông họ chỉ sử dụng để nghe, nói, tra cứu các mạng xã hội chứ chưa sử dụng để làm ra tiền. Khi quan sát sự thành công của nước Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc dễ nhận ra một vấn đề có tính nguyên tắc: Thành công = Trí

tuệ (thông minh) + Thông tin. Ở Việt Nam muốn có năng suất lao động cao phải phát triển bằng trí tuệ, sáng tạo và khôn ngoan.

Có nhiều ý kiến cho rằng, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu đang ở mức trung bình và trung bình tiên tiến. Nếu Việt Nam không thu hút nhiều hơn nữa các nhà đầu tư FDI có tiềm lực tài chính, nắm giữ công nghệ nguồn thì việc tăng năng suất lao động quốc gia sẽ vẫn gặp khó khăn. Vì thế, một mặt nâng cao trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong nước vẫn phải tiếp tục thu hút những nhà đầu tư FDI mang tầm chiến lược để nâng cao trình độ công nghệ của quốc gia rồi từ đó nâng cao năng suất lao động quốc gia.

3. Một số vấn đề về giải pháp nâng cao năng suất lao động của Việt Nam

Khi trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động và kết quả đánh giá thực trạng năng suất lao động ở nước ta đã hé mở và cho biết những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để nâng cao năng suất lao động trong những năm tới của Việt Nam. Nhóm tác giả cho rằng, trong những năm tới Việt Nam cần thực hiện ngay những giải pháp cơ bản như sau:

- Xác định cho được lĩnh vực mũi nhọn và các sản phẩm chủ lực của nền kinh tế nước nhà. Ngoài các lĩnh vực công nghiệp điện tử, máy tính, thiết bị chính xác, thiết bị y tế, thiết bị quang học, sản xuất thuốc chữa bệnh, viễn thông, ngân hàng, thương mại, du lịch, logistics... phải phát triển nông sản

nhật đới hàng hóa, thủy sản gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Đồng thời, phải nâng cao năng lực quản trị quốc gia mà trong đó cần nhanh chóng nâng cao năng lực quản lý và điều hành kinh tế.

- Phát triển mạnh doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình với nhiều doanh nghiệp lớn mang tầm thế giới, giữ vai trò nòng cốt trong các chuỗi giá trị và các chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Phát triển thị trường gắn với phát triển hợp tác quốc tế trong bối cảnh tham gia mạnh vào các liên minh, hiệp hội thương mại khu vực, liên khu vực và toàn cầu.

- Phát triển mạnh các công cụ dự báo, kể cả tình báo kinh tế. Đã đến lúc Việt Nam cần có những mô hình phân tích, dự báo riêng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đồng thời, đổi mới việc thống kê theo hướng tăng cường thống kê các chỉ tiêu về chất lượng phát triển, hiện đại hóa, tiết kiệm đất đai và tiêu thụ nước; cũng như các chỉ tiêu về an ninh con người, an ninh nước, an ninh thực phẩm, an ninh thuốc chữa bệnh (cho người và cho cây trồng, vật nuôi).

4. Kết luận

Năng suất lao động cao luôn luôn là cái đích của nhà nước, doanh nghiệp và người dân hướng tới nhưng muốn có năng suất lao động cao thì Việt Nam phải cần coi trọng một số việc giữ vai trò then chốt như sau:

- Nhà nước phối hợp với doanh nghiệp và người dân xây dựng cho được chiến lược phát triển cơ cấu kinh tế hiện đại trên cơ sở tìm ra nhiều việc làm có thu nhập cao và theo hướng hình thành được các lĩnh vực mũi nhọn, các sản phẩm chủ lực tiêu biểu cho Việt Nam. Rồi từ đó đổi mới việc đào tạo nhân lực theo hướng đáp ứng yêu cầu phát triển. Trên cơ sở xác định được lĩnh

vực mũi nhọn, sản phẩm chủ lực cho trung và dài hạn, xây dựng được khung luật pháp về kinh tế đủ đảm bảo có lợi cho mọi thành phần, mọi lực lượng kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững. Đồng thời, cần kiên quyết hiện đại hóa nền kinh tế trên cơ sở tận dụng ảnh hưởng tốt từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, từ làn sóng phát triển của trí tuệ nhân tạo, của nền kinh tế số cũng như tận dụng lợi ích từ các làn sóng đầu tư FDI thế hệ mới. Nhanh chóng có chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp đúng đắn với tầm nhìn dài hạn trong bối cảnh quốc tế ngày càng diễn biến phức tạp. Tôn vinh những doanh nghiệp có đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển của Việt Nam.

- Đổi mới để phát triển. Trước hết là đổi mới hệ thống quản lý phát triển, xây dựng được nhân lực khu vực công có chất lượng, có lương tâm và có trách nhiệm. Sau đó là đổi mới phương cách điều hành phát triển. Ba chủ thể tham gia phát triển: Nhà nước, Doanh nghiệp và Người dân phải đồng mục tiêu, đồng hành động và đồng thụ hưởng kết quả do phát triển đem lại. Cải cách hành chính đi đôi với đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế từ trung ương xuống địa phương; làm cho nền kinh tế phát triển có tổ chức một cách khoa học. Nêu cao quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước và của đội ngũ công chức, viên chức.

- Tiết kiệm đầu tư và các loại tài nguyên là yêu cầu cấp thiết. Hàng chục năm thực thi đường lối hiện đại hóa, Chính phủ Trung Quốc đã động viên người dân “thắt lưng buộc bụng” để đầu tư và tỷ lệ đầu tư xã hội trên GDP của họ đạt tới khoảng 40-42%. Trong khoảng 15 năm tới nền kinh tế Việt Nam cũng chưa lớn, khả năng tích lũy từ nội bộ để đầu tư còn hạn chế. Vì thế nước

ta cần tiếp tục tạo ra môi trường thuận lợi, hấp dẫn để thu hút được các dự án đầu tư FDI với phương châm lôi kéo được các nhà đầu tư chiến lược, có những dự án lớn, sử dụng công nghệ cao và giữ vai trò nòng cốt trong các chuỗi giá trị và các mạng toàn cầu để tận dụng tốt cơ hội đem tới của toàn cầu hóa, của các Hiệp định thương mại tự do và bảo hộ đầu tư.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2020*, Nxb Thống kê.
2. Daron Acemoglu và A. Robinson D. Acemoglu và James A. Robinson. *Tại sao các quốc gia thất bại*. Nxb Trẻ, 2013.
3. Ngô Thúy Quỳnh (2016), *Phát triển bền vững nhìn từ góc độ quản lý nhà nước*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế - Học viện Hành chính Quốc gia: “*Quản lý chiến lược mục tiêu phát triển bền vững, cách tiếp cận, tư duy hệ thống hoá và điều khiển học - Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*”, Hà Nội, tháng 3/2016.
4. Ngô Thúy Quỳnh (2014), *Bàn về ba chữ đồng trong phát triển đất nước*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 152.
5. Tổng cục Thống kê (2018), *Niên giám thống kê Việt Nam 2020*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 2 năm 2013 về phê duyệt đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020*.
7. Ngô Doãn Vịnh, (2005), *Bàn về phát triển kinh tế: Nghiên cứu con đường dẫn tới giàu sang*, Nxb Chính trị quốc gia.
8. Ngọc An (2019), <https://tuoitre.vn/viet-nam-tang-10-bac-xep-hang-nang-luc-can-1009114319843.htm>, công bố ngày 09/10/2019, truy cập ngày 30/09/2020.
9. Chính phủ (2019), <http://baohinhphu.vn/Thong-cao-bao-chi/Thu-tuong-chu-tri-Hoi-nghi-cai-thien-nang-suat-lao-dong-quoc-gia/372506.vgp> công bố ngày 08/08/2019, truy cập ngày 07/07/2021.
10. TTXVN (2019), <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/du-tru-ngoai-hoi-cua-trung-quoc-tang-cao-hon-du-kien-7877.html> công bố ngày 02/12/2019, truy cập ngày 06/12/2019.